

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG
NGHỆ CAO SIBA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán	4-5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	6-53
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>6-09</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2024</i>	<i>11-12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024</i>	<i>13-52</i>
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 53).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Bà Phan Hồng Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Đào Đức Tuấn	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Ông Trương Đức Nam	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc;

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

Số : 1707.01.04/2024/BCTC - NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 từ trang 06 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí công nghệ cao Siba tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNKT số: 0053-2023-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		742.685.590.805	935.976.077.339
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.578.300.533	43.537.689.496
1. Tiền	111		38.578.300.533	43.537.689.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		484.425.502.513	616.563.294.273
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	321.261.503.464	467.510.319.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	59.409.198.932	64.610.307.205
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	105.216.713.815	84.442.667.983
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.461.913.698)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	198.844.189.254	243.919.465.390
1. Hàng tồn kho	141		201.718.463.708	243.919.465.390
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.874.274.454)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.837.598.505	31.955.628.180
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.177.733.093	665.796.756
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.659.865.412	31.289.831.424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279.676.027.150	261.314.832.539
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.295.008.470	735.494.795
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	9.295.008.470	735.494.795
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		184.587.693.265	190.721.072.770
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	173.479.858.231	178.820.527.722
Nguyên giá	222		211.195.152.327	200.263.825.390
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.715.294.096)	(21.443.297.668)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	1.184.304.334	809.540.148
Nguyên giá	225		1.589.074.408	1.011.925.185
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(404.770.074)	(202.385.037)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9.923.530.700	11.091.004.900
Nguyên giá	228		11.674.742.000	11.674.742.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.751.211.300)	(583.737.100)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		72.301.687.956	62.876.763.402
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	72.301.687.956	62.876.763.402
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.491.637.459	6.981.501.572
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.258.320.761	6.147.047.195
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		785.488.839	834.454.377
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		8.447.827.859	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.022.361.617.955	1.197.290.909.878

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		445.689.230.656	766.431.312.828
I. Nợ ngắn hạn	310		396.200.837.982	704.315.516.296
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	175.213.772.718	509.651.966.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	69.563.457.642	93.101.237.483
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.507.130.407	2.705.094.792
4. Phải trả người lao động	314		6.365.818.990	3.265.002.662
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15.248.658.398	27.519.867.550
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	129.519.399	542.975.591
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	122.172.480.428	67.529.371.838
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		49.488.392.674	62.115.796.532
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	41.319.465.543	62.115.796.532
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	8.168.927.131	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		576.672.387.299	430.859.597.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	576.672.387.299	430.859.597.050
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		499.999.630.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.999.630.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(221.900.000)	79.824.500.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.893.904.172	88.563.374.880
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.388.244.880	56.287.460.606
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.505.659.292	32.275.914.274
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		753.127	12.471.722.170
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.022.361.617.955	1.197.290.909.878

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Thảo

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.146.730.983.280	3.662.170.559.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.146.730.983.280	3.662.170.559.727
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.054.385.359.864	3.569.371.143.095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.345.623.416	92.799.416.632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.670.722.857	945.670.242
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	22.311.607.684	16.731.487.245
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.683.752.194	16.488.562.106
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.918.266.056	12.641.648.725
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29.505.964.615	24.203.230.803
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.280.507.918	40.168.720.101
12. Thu nhập khác	31	VI.7	23.577.577.812	193.146.054
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.366.450.055	148.112.436
14. Lợi nhuận khác	40		21.211.127.757	45.033.618
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.491.635.675	40.213.753.719
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	7.771.009.814	7.620.863.891
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		48.965.538	48.965.538
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.671.660.323	32.543.924.290
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		43.505.659.292	32.275.914.274
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		166.001.031	268.010.016
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.079	838
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.079	838

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51.491.635.675	40.213.753.719
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.646.603.460	12.812.161.958
- Các khoản dự phòng	03		12.505.115.283	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.454.882.820	104.224.196
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.267.938.784)	(903.498.181)
- Chi phí lãi vay	06		15.683.752.194	16.488.562.106
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70.514.050.648	68.715.203.798
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		215.953.905.247	691.271.920.533
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		42.201.001.682	179.987.481.129
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(389.909.256.439)	(896.401.271.318)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.406.038.857	478.129.501
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.139.173.510)	(16.551.107.424)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.620.485.644)	(6.954.640.193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78.593.919.159)	20.545.716.026
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(33.048.036.429)	(38.741.354.207)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(103.047.218.752)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		91.231.218.752	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.647.507.227	904.908.592
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.216.529.202)	(37.836.445.615)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		114.778.100.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		323.147.744.302	93.628.429.108
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(342.903.335.300)	(114.066.992.726)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(171.449.604)	(171.449.604)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		94.851.059.398	(20.610.013.222)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.959.388.963)	(37.900.742.811)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	43.537.689.496	81.438.432.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	38.578.300.533	43.537.689.496

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Thảo

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
- Khái quát về công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 13 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13: 499.999.630.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2024: 499.999.630.000 VND

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 028.3811.0480

Mã số thuế : 0 3 1 3 1 4 0 1 0 0

4. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC hợp nhất năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất năm 2023.

7. Nhân viên:

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 301 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 251 nhân viên).

8. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty con được hợp nhất:

Công ty con cấp 1:

Tên công ty (*)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty con cấp 2:

Tên công ty (*)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần thương mại Stemkos Việt Nam	Số 1, ngõ Châu Long, phố Đặng Dung, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất điện	99,99%	99,99%	99,99%

(*) Các công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty mẹ phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

21. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	216.373.483	11.475.433.435
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.361.927.050	32.062.256.061
Cộng	<u>38.578.300.533</u>	<u>43.537.689.496</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>175.151.129.762</i>	<i>21.201.326.246</i>
Công ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	8.343.992.629	-
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	-	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	33.426.000	464.250.000
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	6.412.668.892	4.940.806.607
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh	1.296.036.768	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh	2.237.250.742	-
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	-	-
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Hải Đăng Tây Ninh	118.883.457.639	15.796.269.639
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	4.758.801.849	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Nam An Khánh	1.211.398.568	-
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	1.297.210.069	-
Công ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	14.167.903.206	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tâm Hưng	16.508.983.400	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>146.110.373.702</i>	<i>446.308.992.839</i>
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Duy Phát	67.244.000.000	-
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Greentech	41.890.288.126	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số Một- Việt Nguyên	12.756.843.232	368.028.980
Công ty Cổ Phần Chế Biến Và Xuất Nhập Khẩu Lâm Sản Nghệ An	20.000.000.000	-
Công ty CP Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	-	95.336.209.800
Công ty Cổ Phần Thăng Hoa	-	139.260.072.000
Công ty CP CBOT Việt Nam	-	200.361.787.100
Các khách hàng khác	4.219.242.344	10.982.894.959
Cộng	<u>321.261.503.464</u>	<u>467.510.319.085</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>7.863.747.150</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	7.863.747.150	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>51.545.451.782</i>	<i>64.610.307.205</i>
Công ty TNHH Nhà Thép Trí Việt	-	7.432.126.047
Công ty Cổ phần Kỹ thuật First Green	2.262.422.018	-
Savagnini Italia S.P.A (*)	37.561.571.500	37.561.571.500
Các nhà cung cấp khác	11.721.458.264	19.616.609.658
Cộng	<u>59.409.198.932</u>	<u>64.610.307.205</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Theo hợp đồng số VNM-ZKA-2022-0001\4 ngày 23/12/2022, giữa công ty và Savagnini Italia S.P.A về việc mua máy móc thiết bị sản xuất. Công ty ứng trước 20% tổng giá trị hợp đồng là 6.730.000 EUR, số tiền tạm ứng là 1.274.000 EUR, tương đương 37.561.571.500 VND, trong tháng 10/2022 sẽ giao hàng. Tuy nhiên, do điều chỉnh phiên bản máy mới nên đến ngày 31/12/2024 lô hàng này chưa được bàn giao. Theo phụ lục số 02 ngày 25/02/2025, hai bên đã thỏa thuận ngày bàn giao mới là trong tháng 7/2025

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ (*)	95.249.000.000	-	84.107.000.000	-
Tạm ứng	299.938.902	-	264.689.999	-
Tiền thuế GTGT tài sản thuê tài chính	77.365.689	-	50.799.880	-
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam -				
Tiền thuê trả trước	8.379.900.000	-	-	-
Lãi tiền gửi ký quỹ	1.023.215.630	-	-	-
Phải thu khác	187.293.594	-	20.178.104	-
Cộng	105.216.713.815	-	84.442.667.983	-

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ bằng tiền gửi ngân hàng để đảm bảo thực hiện hợp đồng các công trình xây lắp cho các khách hàng như sau:

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có số dư là: 9.199.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai có số dư là: 7.500.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có số dư là: 76.006.000.000 VND.

+ Các số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có số dư là: 2.443.000.000 VND.

+ Các khoản ký quỹ khác: 101.000.000 VND

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	9.295.008.470	-	735.494.795	-
Ký cược, ký quỹ	915.108.470	-	735.494.795	-
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam -				
ký quỹ thuê tài chính	8.379.900.000	-	-	-
Cộng	9.295.008.470	-	735.494.795	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	-	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.461.913.698)	-	(1.461.913.698)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	(1.461.913.698)	-	(1.461.913.698)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	121.846.494.028	-	123.143.159.542	-
Công cụ, dụng cụ	8.986.939.872	-	10.902.618.947	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.329.706.620	-	103.085.912.230	-
Thành phẩm	1.130.611.321	-	604.819.432	-
Hàng hóa	6.274.335.964	(2.874.274.454)	6.182.955.239	-
Hàng gửi đi bán	150.375.903	-	-	-
Cộng	201.718.463.708	(2.874.274.454)	243.919.465.390	-

7. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	204.203.204	288.500.525
Chi phí bảo hiểm	94.377.127	72.027.909
Chi phí sửa chữa	556.700.909	-
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	222.494.150	207.109.080
Chi phí thuê văn phòng	22.943.667	10.540.000
Chi phí khác	77.014.036	87.619.242
Cộng	1.177.733.093	665.796.756

b) Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.122.783.531	2.171.489.846
Công cụ dụng cụ	557.912.964	765.022.572
Chi phí thi công văn phòng	1.105.036.614	1.348.488.090
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	448.258.409	1.793.033.603
Bảo hiểm	614.923	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	23.714.320	69.013.084
Cộng	4.258.320.761	6.147.047.195

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	55.716.664.542	138.270.223.604	6.086.770.880	190.166.364	200.263.825.390
Mua trong năm	-	373.000.000	-	130.520.000	503.520.000
Tăng do hợp nhất	-	10.245.988.755	-	181.818.182	10.427.806.937
Số cuối năm	55.716.664.542	148.889.212.359	6.086.770.880	502.504.546	211.195.152.327
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	88.635.000	128.366.364	63.636.364	280.637.728
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.699.717.343	15.959.464.603	1.659.898.549	124.217.173	21.443.297.668
Khấu hao trong năm	2.228.617.101	9.309.876.596	706.888.668	31.361.858	12.276.744.223
Tăng do hợp nhất	-	3.813.434.023	-	181.818.182	3.995.252.205
Số cuối năm	5.928.334.444	29.082.775.222	2.366.787.217	337.397.213	37.715.294.096
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.016.947.199	122.310.759.001	4.426.872.331	65.949.191	178.820.527.722
Số cuối năm	49.788.330.098	119.806.437.137	3.719.983.663	165.107.333	173.479.858.231

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 193.608.490.262 VND và giá trị còn lại 162.765.045.922 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hàn Thuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Thuê tài chính trong năm	-	577.149.223	577.149.223
Số cuối năm	432.000.000	1.157.074.408	1.589.074.408
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Khấu hao trong năm	86.400.000	115.985.037	202.385.037
Số cuối năm	172.800.000	231.970.074	404.770.074
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	345.600.000	463.940.148	809.540.148
Số cuối năm	259.200.000	925.104.334	1.184.304.334

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.674.742.000	(583.737.100)	11.091.004.900
Tăng trong năm	-	(1.167.474.200)	(1.167.474.200)
Số cuối năm	11.674.742.000	(1.751.211.300)	9.923.530.700

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	603.063.769
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long tại Đồng Tháp	-	603.063.769
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	175.213.772.718	509.048.902.611
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Tín Phát	-	-
Công ty Cổ Phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	-	-
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	-	186.013.989.100
Công ty TNHH Phát Triển Dịch Vụ Thương Mại Bình Tân	-	-
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	-	122.786.193.200
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	-	48.860.663.750
Jiangsu Huali	38.266.752.052	24.485.755.458
Bd Agriculture (Malaysia)	16.642.899.361	-
DaeWon I&D	13.146.500.520	-
Big Herdsman Machinery	14.334.111.000	-
Các nhà cung cấp khác	92.823.509.785	126.902.301.103
Cộng	175.213.772.718	509.651.966.380

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	19.218.947.522	61.853.987.483
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	6.171.408.223
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	-	1.327.916.146
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	-	11.923.454.335
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	-	485.335.818
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	-	885.366.240
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	6.672.053.139	15.557.501.482
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	-	140.878.754
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	-	7.821.921.349
Công ty TNHH Chăn Nuôi Công Nghệ Cao Sông Hình	9.588.221.650	922.727.273
Công ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Tân Châu	-	5.183.434.249
Công ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	2.958.672.733	11.434.043.614
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	50.344.510.120	31.247.250.000
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi Greentech	-	24.640.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Chăn Nuôi Cư Jút	-	6.600.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Chăn Nuôi Hưng Phú	15.029.888.330	-
Công ty TNHH Xây Dựng Huy Phong Phát	13.823.612.910	-
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	15.902.476.160	-
Công ty TNHH Chăn Nuôi Minh Phú	5.428.942.400	-
Các khách hàng khác	159.590.320	7.250.000
Cộng	69.563.457.642	93.101.237.483

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Giảm do thanh lý công ty con	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	66.078.788	-	1.447.219.369	(1.447.219.369)	(66.078.788)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.860.829.179	(2.860.829.179)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	390.050.096	(390.050.096)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.548.698.052	-	7.771.009.814	(2.620.485.644)	(521.420.857)	7.177.801.365	-
Thuế thu nhập cá nhân	90.317.952	-	641.782.600	(361.585.782)	(41.185.728)	329.329.042	-
Các loại thuế khác	-	-	75.095.299	(75.095.299)	-	-	-
Cộng	2.705.094.792	-	13.185.986.357	(7.755.265.369)	(628.685.373)	7.507.130.407	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo

Không chịu thuế

Các dịch vụ, hàng hóa khác

10%; 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba (công ty mẹ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (công ty con) được Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp và Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm 2020 đối với thu nhập từ đầu tư dự án điện mặt trời. Các hoạt động khác Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả lãi vay	1.013.592.894	1.469.014.210
Tiền thuê đất	-	9.374.760.850
Chi phí phải trả các công trình	14.235.065.504	16.676.092.490
Cộng	15.248.658.398	27.519.867.550

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>49.734.544</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh - Thu hộ	6.774.412	-
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hinh - Thu hộ	42.960.132	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>79.784.855</i>	<i>542.975.591</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	15.056.928
Kinh phí công đoàn	52.020.870	133.135.873
Bảo hiểm xã hội	-	312.821.870
Bảo hiểm y tế	-	55.052.205
Bảo hiểm thất nghiệp	-	23.894.730
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	27.763.985	3.013.985
Cộng	129.519.399	542.975.591

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
Địa chỉ: 99 Al Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng	122.172.480.428	122.172.480.428	67.529.371.838	67.529.371.838
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	101.028.386.428	101.028.386.428	46.385.277.838	46.385.277.838
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	3.165.994.988	-	5.980.191.588	5.980.191.588
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (2)	5.612.509.988	3.165.994.988	-	-
Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai (3)	24.983.304.106	5.612.509.988	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (4)	18.580.000.000	24.983.304.106	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (5)	48.686.577.346	18.580.000.000	-	-
Vay dài hạn đến trả	21.144.094.000	48.686.577.346	40.405.086.250	40.405.086.250
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hàn Thuyên	20.255.304.000	21.144.094.000	21.144.094.000	21.144.094.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hàn Thuyên		20.255.304.000	20.255.304.000	20.255.304.000
Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmecco Bạc Liêu	888.790.000			
Cộng	122.172.480.428	122.172.480.428	67.529.371.838	67.529.371.838

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 216/2024-HĐCVHM/NHCT902-SIBA ngày 18/11/2024. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND, thời gian 12 tháng, mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền đòi nợ và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng cung cấp hàng và lắp đặt thiết bị số 01/2023/HĐKT-CUJUT-SIBA ngày 03/10/2023 và phụ lục hợp đồng ngày 08/01/2024. Giá trị của tài sản thế chấp là 53.400.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 07/2024/HĐĐBĐ/NHCT902-SIBA ngày 10/01/2024 và các hợp đồng tiền gửi giá trị 2.443.000.000 VND.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số TBN2022530494 ngày 15/06/2022, Phụ lục số TBN2022530494/HĐCTD/PLHM-1799174 ngày 17/04/2024. Hạn mức cấp tín dụng là 190.000.000.000 VND, thời gian 12 tháng đến ngày 15/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17/04/2025. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thi công công trình xây dựng của Công ty ký với đối tác và các hợp đồng tiền gửi giá trị 9.199.000.000 VND.

(3) Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai theo thỏa thuận tín dụng số 10001084LD001202491 ngày 15/11/2024. Hạn mức vay là 50.000.000.000 VND, thời hạn 01 năm, lãi suất được quy định cụ thể trên từng lần đại ngân. Khoản vay được đảm bảo bởi các Hợp đồng tiền gửi với tổng giá trị tương đương 30% tổng dư nợ vay tại Ngân hàng. Giá trị các hợp đồng tiền gửi thế chấp tại thời điểm 31/12/2024 là 7.500.000.000 VND.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0003/2024/HDHM-PN/SHB.11150 ngày 10/01/2024. Giá trị cấp hạn mức là 80.000.000.000 VND, thời gian 12 tháng, mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là:

+ Công trình xây dựng trên đất Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO tại Bạc Liêu. Giá trị của tài sản là 45.858.000.000 VND theo biên bản định giá ngày 10/01/2024.

+ Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, các loại thiết bị phụ tùng thuộc dự án Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao. Giá trị của tài sản là 85.443.000.000 VND theo biên bản định giá ngày 10/01/2024.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1290/2024/6965706/HĐTD ngày 30/05/2024. Hạn mức cho vay tối đa là 200.000.000.000 VND trong đó đã bao gồm dư nợ vay ngắn hạn của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2271/6965706/HĐTD ngày 03 tháng 11 năm 2023. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30/05/2025. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động, lãi suất được quy định cụ thể trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp ngày 03/11/2023 và các hợp đồng tiền gửi giá trị 76.006.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	5.980.191.588	5.035.913.087	-	(11.016.104.675)	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	27.019.192.052	-	(23.853.197.064)	3.165.994.988
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	10.103.690.371	-	(4.491.180.383)	5.612.509.988
Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	-	24.983.304.106	-	-	24.983.304.106
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	-	29.761.115.421	-	(11.181.115.421)	18.580.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	40.405.086.250	226.244.529.265	-	(217.963.038.169)	48.686.577.346
Vay dài hạn đến hạn trả			20.265.432.881	(20.265.432.881)	20.255.304.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	20.255.304.000				
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên					
- Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu	888.790.000		888.790.000	(888.790.000)	888.790.000
Cộng	67.529.371.838	323.147.744.302	21.154.222.881	(289.658.858.593)	122.172.480.428

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	41.319.465.543	41.319.465.543	62.115.796.532	62.115.796.532
Vay dài hạn ngân hàng	40.275.775.255	40.275.775.255	61.429.998.136	61.429.998.136
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (1)	35.609.627.755	35.609.627.755	55.875.060.636	55.875.060.636
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu (2)	4.666.147.500	4.666.147.500	5.554.937.500	5.554.937.500
Nợ thuê tài chính	1.043.690.288	1.043.690.288	685.798.396	685.798.396
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	514.348.792	514.348.792	685.798.396	685.798.396
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	529.341.496	529.341.496	-	-
Cộng	41.319.465.543	41.319.465.543	62.115.796.532	62.115.796.532

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(1) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTDTDH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: “Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao” tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm bảy chín mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HĐTCTL-PN/SHB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng

(2) Là khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0028/2021/HĐTDTDH-PN/SHB.111500 ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên, số tiền vay là 9.950.000.000 VNĐ, mục đích vay thực hiện dự án “Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1” tại khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên, lãi suất quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

+ Tài sản đảm bảo 1: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án “Đầu tư khai thác điện mặt trời mái nhà VMECO Bạc Liêu 1” tại khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu theo hợp đồng kinh tế số 0709/2020/HĐ-VMECO-NSL VBL ký ngày 07 tháng 09 năm 2020, phụ lục hợp đồng số 03 ký ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH năng lượng sạch VMECO Bạc Liêu và Công ty Cổ phần cơ khí môi trường Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba), hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu VN/19P, số 0000174 ngày 14 tháng 01 năm 2021. Giá trị tài sản đảm bảo là 13.919.000.000 VNĐ.

+ Tài sản đảm bảo 2: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho hệ thống điện mặt trời trên mái nhà số 20000855/HĐMTAM-2020 ký ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty TNHH Năng lượng sạch VMECO Bạc Liêu và Tổng công ty điện lực Miền Nam TNHH.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	53.244.476.707	(53.244.476.707)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS					
Vay dài hạn ngân hàng					
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thành Phố Hồ Chí Minh	55.875.060.636	-	-	(20.265.432.881)	35.609.627.755
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội					
Thuyền - Khoản vay của Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu	5.554.937.500	-	-	(888.790.000)	4.666.147.500
Nợ thuê tài chính					
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	685.798.396	-	(171.449.604)	-	514.348.792
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	-	529.341.496			529.341.496
Cộng	62.115.796.532	53.773.818.203	(53.415.926.311)	(21.154.222.881)	41.319.465.543

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	8.168.927.131	-	-	8.168.927.131
Cộng	-	8.168.927.131	-	-	8.168.927.131

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	56.287.460.606	12.203.712.154	398.315.672.760
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	32.275.914.274	268.010.016	32.543.924.290
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	79.824.500.000	88.563.374.880	12.471.722.170	430.859.597.050
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	88.563.374.880	12.471.722.170	430.859.597.050
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	54.999.830.000	-	(54.999.830.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	115.000.000.000	(221.900.000)	-	-	114.778.100.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông	79.999.800.000	(79.824.500.000)	(175.300.000)	-	-
Tăng trong năm do hợp nhất	-	-	-	762.981	762.981
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	43.505.659.292	166.001.031	43.671.660.323
Thanh lý công ty con	-	-	-	(12.637.733.055)	(12.637.733.055)
Số dư cuối năm	499.999.630.000	(221.900.000)	76.893.904.172	753.127	576.672.387.299

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	278.000.000.000	55,60%	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	23.332.060.000	4,67%	15.150.000.000	6,06%
Các đối tượng khác	198.667.570.000	39,73%	95.850.000.000	38,34%
Cộng	499.999.630.000	100%	250.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.999.963	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.999.963	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	49.999.963	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.999.963	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	49.999.963	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	49.999.963	25.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.284.758.545.550	3.078.950.220.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ	860.314.105.672	581.864.040.827
Doanh thu bán điện	1.658.332.058	1.356.298.600
Cộng	3.146.730.983.280	3.662.170.559.727

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	33.553.095.051	2.451.643.046
Chi nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	-	1.025.901.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	13.285.402.234	1.348.013.103
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	11.238.914.009	121.175.078.694
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	31.529.366.645	2.472.840.000
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	33.745.563.414	94.360.944.041
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	-	619.000.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	312.528.753.833	137.524.482.941
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng An Khánh	4.384.146.100	108.049.536.860
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	4.649.880.226	39.001.799.883
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	16.675.170.339	2.042.974.664
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	2.281.965.698	37.400.000
Công ty TNHH sản xuất Thương mại dịch vụ Tâm Hưng	-	545.454.546
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	8.799.976.702	-
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf	1.418.142.567	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	84.267.880.758	-
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	62.328.950.294	545.454.546
Cộng	620.687.207.870	511.200.523.324

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.279.676.146.000	3.069.119.647.266
Giá vốn của dịch vụ, thành phẩm đã bán	762.784.522.624	499.812.633.527
Giá vốn bán điện	881.489.655	438.862.302
Dự phòng bảo hành công trình	8.168.927.131	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.874.274.454	-
Cộng	3.054.385.359.864	3.569.371.143.095

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ	4.670.722.857	903.498.181
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	41.824.311
Doanh thu tài chính khác	-	347.750
Cộng	4.670.722.857	945.670.242

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.683.752.194	16.488.562.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.622.040.447	138.700.943
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.454.882.820	104.224.196
Lỗ chuyển nhượng công ty con	2.550.932.223	-
Cộng	22.311.607.684	16.731.487.245

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.779.890.588	10.935.115.872
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	421.144.507	113.931.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.100.674	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.471.860.149	932.857.269
Các chi phí khác	207.270.138	659.743.907
Cộng	14.918.266.056	12.641.648.725

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.984.790.582	12.033.847.954
Chi phí đồ dùng văn phòng	609.440.606	420.223.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.543.678.184	936.671.805
Thuế, phí và lệ phí	1.642.748.382	1.362.622.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.697.389.269	7.549.574.570
Các chi phí khác	3.027.917.592	1.900.290.031
Cộng	29.505.964.615	24.203.230.803

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	23.148.148.150	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	260.252.783	121.257.877
Xử lý công nợ	29.956.495	14.767.731
Thu nhập khác	139.220.384	57.120.446
Cộng	23.577.577.812	193.146.054

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Nộp kinh phí công đoàn bổ sung các năm trước	456.385.100	-
Các khoản ủng hộ	343.510.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	65.187.882	21.714.354
Xử lý công nợ	15.794.709	120.021.535
Chi phí khác	1.485.572.364	6.376.547
Cộng	2.366.450.055	148.112.436

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.491.635.675	40.213.753.719
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.224.876.113	972.423.798
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính, thuế, chậm nộp</i>	6.224.876.113	1.217.251.488
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	65.187.882	20.783.939
<i>Nộp kinh phí công đoàn bổ sung các năm trước</i>	1.945.405.359	1.076.446.014
<i>Các khoản ủng hộ</i>	456.385.100	-
<i>Xử lý công nợ</i>	343.510.000	-
<i>Lỗi do hợp nhất</i>	15.794.709	120.021.535
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.398.593.063	-
<i>Lãi do hợp nhất</i>	-	244.827.690
Thu nhập tính thuế	-	244.827.690
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%	57.403.747.808	41.456.096.276
Thu nhập chịu thuế của hoạt động bất động sản chịu thuế suất 20%	32.379.198.992	3.421.916.005
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	23.148.148.148	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.876.400.668	38.034.180.271
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	10.509.373.592	8.188.561.775
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	(2.752.231.914)	(581.725.721)
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	7.757.141.678	7.606.836.054
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.868.136	14.027.837
	7.771.009.814	7.620.863.891

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.505.659.292	32.275.914.274
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	43.505.659.292	32.275.914.274
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	40.326.405	38.499.963
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.079	838

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	25.000.000	25.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	1.826.442	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ thặng dư vốn cổ phần	7.982.450	7.982.450
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.517.513	5.517.513
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	40.326.405	38.499.963

11. Chi phí theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.814.036.449	241.550.519.787
Chi phí nhân công	40.127.555.984	41.292.110.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.646.603.460	12.812.161.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.649.337.360	243.689.300.574
Chi phí khác	3.740.806.321	2.009.382.338
Cộng	767.978.339.574	541.353.475.242

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Hồng Vân	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
	Thành viên HĐQT kiêm		
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	649.922.771	611.796.001
Ông Phan Lê Hoàng	Thành viên HĐQT kiêm		
Trung	Phó Tổng Giám đốc	356.012.550	349.628.043
Ông Trương Đức Nam	Thành viên BKS	30.000.000	-
Bà Trần Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	281.365.694	206.252.882
	Trưởng ban kiểm soát		
Bà Lê Thị Xuân Đức	(Đã miễn nhiệm)	-	328.487.076
Ông Đào Đức Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ			
Thương	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Cộng		1.557.301.015	1.736.164.002

b. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch	Công ty con
VMECO Bạc Liêu	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tâm Hưng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ	
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu	Công ty cùng Tập đoàn	
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình	Công ty cùng Tập đoàn	
Công ty TNHH Phân bón hữu cơ vi sinh BAF	Công ty cùng Tập đoàn	
Các giao dịch phát sinh giữa công ty với các bên liên quan khác trong năm như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1		
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	3.869.699.049	12.259.249.584
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	13.541.607.824	1.455.854.152
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	11.746.332.070	131.593.672.444
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	9.947.197.058	130.511.743.376
Giảm công nợ do thoái vốn công ty con	327.272.727	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bắc An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	34.357.011.058	103.474.496.063
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	21.137.519.955	96.897.950.398
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đông An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	4.340.362.838	117.652.347.027
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	1.617.776.278	108.343.605.870
Chi Nhánh Công ty CP Nông Nghiệp BAF Việt Nam Tại Nghệ An		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.128.491.100
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.128.491.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long		
Phải trả về mua hàng hóa	888.845.032.900	1.146.627.760.650
Trả tiền mua hàng hóa	896.708.780.050	1.146.627.384.000
Phải thu tiền bán cổ phần công ty con	48.000.000.000	-
Thu tiền bán cổ phần công ty con	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	331.497.009.065	149.640.230.842
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	228.470.203.371	104.925.797.734
Bù trừ công nợ	168.708.603	-
Phải trả về thu hộ	175.483.015	-
Giảm công nợ do thoái vốn công ty con	229.090.909	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	4.572.101.756	41.252.000.599
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	2.475.336.948	27.932.415.013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	16.630.638.729	2.206.412.637
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	8.155.267.848	13.640.456.251
Công ty TNHH sản xuất Thương mại dịch vụ Tâm Hưng		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	86.402.004.579	589.090.910
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	62.300.190.739	8.411.012.259
Giảm công nợ do thoái vốn công ty con	229.090.909	-
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Tân Châu		
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	64.493.237.318	589.090.910
Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	45.370.990.772	5.772.525.159
Giảm công nợ do thoái vốn công ty con	229.090.909	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.836.457.313	2.644.282.610
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.180.099.879	17.793.244.092
Giảm công nợ do thoái vốn công ty con	229.090.909	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.828.794.744	2.698.896.100
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.898.584.672	8.215.804.323
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.181.687.279	41.140.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	743.598.456	182.018.754
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	668.520.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	430.824.000	-
Công ty TNHH chăn nuôi công nghệ cao Sông Hình		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.914.883.929	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.853.105.579	922.727.273
Giảm công nợ do thoái vốn công ty con	272.727.273	-
Phải trả về thu hộ	42.960.132	-
Công Ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Vi Sinh Baf		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.897.428.228	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.897.428.228	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long tại Đồng Tháp		
Trả tiền mua hàng hóa	603.063.769	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.12.

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực thương mại;
- + Lĩnh vực cơ khí;
- + Lĩnh vực kinh doanh điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực kinh doanh				Cộng
	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực kinh doanh điện	Các khoản loại trừ	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.284.758.545.550	860.314.105.672	1.658.332.058	-	3.146.730.983.280
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	300.000.000	616.301.630	(916.301.630)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.284.758.545.550	860.614.105.672	2.274.633.688	(916.301.630)	3.146.730.983.280
Chi phí bộ phận	2.279.676.146.000	774.688.853.529	1.181.489.655	(1.161.129.320)	3.054.385.359.864
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.082.399.550	85.925.252.143	1.093.144.033	244.827.690	92.345.623.416
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					44.424.230.671
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					47.921.392.745
Doanh thu hoạt động tài chính					4.670.722.857
Chi phí tài chính					22.311.607.684
Thu nhập khác					23.577.577.812
Chi phí khác					2.366.450.055
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					7.771.009.814
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					48.965.538
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					43.671.660.323
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phân bổ cho hoạt động	-	24.483.826.287	-	-	24.483.826.287
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	16.201.822.739	-	(244.827.690)	15.956.995.049

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực kinh doanh điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	82.241.123.258	817.764.168.176	36.445.197.747	(41.302.030.023)	895.148.459.158
Tài sản phân bổ cho bộ phận					127.213.158.797
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>1.022.361.617.955</u>
Tổng tài sản					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	252.743.588.411	5.817.581.250	(160.074.670)	258.401.094.991
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					187.288.135.665
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					<u>445.689.230.656</u>
Tổng nợ phải trả					
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	441.141.024.139	666.603.512.706	50.129.280	(183.635.451.978)	924.159.214.147
Tài sản phân bổ cho bộ phận					273.131.695.731
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>1.197.290.909.878</u>
Tổng tài sản					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	357.660.846.050	261.970.041.212	361.390.503	(92.297.634.473)	619.630.887.262
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					146.800.425.566
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					<u>766.431.312.828</u>
Tổng nợ phải trả					

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	122.172.480.428	41.319.465.543	-	163.491.945.971
Phải trả người bán	175.213.772.718	-	-	175.213.772.718
Các khoản phải trả khác	21.743.996.787	-	-	21.743.996.787
Cộng	319.130.249.933	41.319.465.543	-	360.449.715.476
Số đầu năm				
Vay và nợ	67.529.371.838	62.115.796.532	-	129.645.168.370
Phải trả người bán	509.651.966.380	-	-	509.651.966.380
Các khoản phải trả khác	30.784.870.212	-	-	30.784.870.212
Cộng	607.966.208.430	62.115.796.532	-	670.082.004.962

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.578.300.533	43.537.689.496	38.578.300.533	43.537.689.496
Phải thu khách hàng	319.799.589.766	467.510.319.085	319.799.589.766	467.510.319.085
Các khoản phải thu khác	114.511.722.285	85.178.162.778	114.511.722.285	85.178.162.778
Cộng	472.889.612.584	596.226.171.359	472.889.612.584	596.226.171.359
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	163.491.945.971	129.645.168.370	163.491.945.971	129.645.168.370
Phải trả người bán	175.213.772.718	509.651.966.380	175.213.772.718	509.651.966.380
Các khoản phải trả khác	21.743.996.787	31.327.845.803	21.743.996.787	31.327.845.803
Cộng	360.449.715.476	670.624.980.553	360.449.715.476	670.624.980.553

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được điều chỉnh lại do thay đổi cơ phiếu lưu hành, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.291	(453)	838
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.291	(453)	838

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA
Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	1.461.913.698	1.461.913.698	-	7.806.369.738	-
Công ty TNHH Sản Xuất và Dịch Vụ Tổng Hợp DHA	Khó có khả năng thu hồi	563.608.744	563.608.744	Quá hạn trên 1 năm	6.908.064.784	-
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XÂY DỰNG DŨNG TIỀN VÀ CỘNG SỰ	Khó có khả năng thu hồi	898.304.954	898.304.954	Quá hạn trên 6 tháng đến 1 năm	898.304.954	-
Cộng		1.461.913.698	1.461.913.698		7.806.369.738	-

